

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH VÀ HÀ NỘI VỚI VIỆC THU HÚT NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI

TH.S. NGUYỄN THỊ HỒNG CẨM

Trường Đại học Công đoàn

Dầu tư trực tiếp từ các tổ chức kinh tế nước ngoài vào Việt Nam đã có sự tăng lên đáng kể kể từ sau cuộc cải tổ nền kinh tế năm 1986, đặc biệt là sau sự kiện Việt Nam gia nhập WTO, việc dự đoán lượng đầu tư trực tiếp (FDI) sẽ tăng lên rõ rệt và làm cho tốc độ tăng trưởng và phát triển kinh tế của Việt Nam sẽ bước vào giai đoạn cất cánh của sự phát triển kinh tế. Trong phạm vi bài viết này, tác giả chỉ đề cập đến thực trạng lượng FDI đầu tư vào TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội trong giai đoạn 1998-2005, những thuận lợi và khó khăn cũng như giải pháp trong việc thu hút nguồn vốn FDI tới hai thành phố lớn nhất nước ta.

Trở thành thành viên của tổ chức Thương mại thế giới là một nỗ lực rất lớn của Việt Nam. Điều này hiện nay đang là một cơ hội cho Việt Nam thu hút được sự quan tâm, đầu tư của các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước. Đặc biệt là các tổ chức kinh tế nước ngoài đã và đang tiếp tục tìm hiểu về môi trường kinh doanh của Việt Nam để có sự đầu tư phù hợp nhất.

Việt Nam đã đạt mức tỷ lệ tăng trưởng cao trong giai đoạn 1990-2005. Những nhân tố chính tạo nên mức tăng trưởng này chính là do đầu tư trực tiếp nước ngoài và thương mại giữa Việt Nam và các nước khác trên thế giới.

Kể từ khi Việt Nam có chính sách đổi mới năm 1986, nguồn FDI là một trong những nhận tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế của Việt Nam. Trong quan hệ thương mại giữa Việt Nam và các nước khác cũng có sự tăng lên rõ rệt trong đó có cộng đồng chung Châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc, Hồng Kông-Trung Quốc, Đài Loan, Singapo, Mỹ và một số nước Nam Á khác. Việc mở rộng quan hệ thương mại giúp cho tỷ lệ đầu tư FDI tăng nhanh từ 0,32 tỷ đôla năm 1988 lên 4,20 tỷ đôla năm 2004 và chủ yếu đầu tư vào các lĩnh vực chủ yếu như công

nghiệp sản xuất, đặc biệt là xe máy và công nghiệp điện tử... Ngoài ra còn có chuyên giao công nghệ và nâng cao hiệu quả hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

Lượng FDI vào Việt Nam được phân bố không đồng đều, tập trung chủ yếu ở các tâm trung tâm kinh tế lớn và các tỉnh phía Bắc như Hà Nội, Vĩnh Phúc, Hải Dương, Hải Phòng và Quảng Ninh. Các tỉnh phía Nam như Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa Vũng Tàu.

Qua bảng số liệu trên ta thấy có sự chênh lệch về số lượng các dự án và số vốn đối với các tỉnh là khác nhau trong giai đoạn 1988-2005. Số lượng đầu tư khác nhau này là do mỗi vùng có những lợi thế, những thuận lợi và khó khăn riêng. Tuy nhiên, giữa TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội là hai thành phố phát triển nhất của cả nước thì lại có những điểm tương đồng nhất định.

1. Những thuận lợi

Thành phố Hồ Chí Minh là khu vực thu hút được lượng vốn đầu tư lớn nhất cả nước chiếm 24% tổng lượng vốn đầu tư trực tiếp và Hà Nội là địa danh đứng thứ hai với 654 dự án với khoảng 9,32 tỷ đôla chiếm 18%. Năm 2006, tại

Bảng 1: 10 tỉnh có tỷ lệ FDI cao nhất từ 1998 đến 2005

Địa danh	Số lượng dự án	Tỷ lệ % của dự án	Số lượng vốn (triệu USD)	Tỷ lệ % lượng vốn
1. Thành phố Hồ Chí Minh	1869	31	12239.9	24
2. Hà Nội	654	11	9319.6	18
3. Đồng Nai	700	12	8494.8	17
4. Bình Dương	1083	18	5031.8	10
5. Bà Rịa Vũng Tàu	120	2	2869.4	6
6. Hải Phòng	185	3	2034.6	4
7. Vĩnh Phúc	95	2	773.9	2
8. Long An	102	2	766.1	2
9. Hải Dương	77	1	720.1	1
10. Thanh Hoá	77	1	712.1	1

(Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư 2006)

Hà Nội, doanh thu các doanh nghiệp tại các khu công nghiệp có vốn FDI đạt 1,7 tỷ đôla, tăng 42% so với năm 2005. Đây là hai thành phố lớn nhất nước ta và cũng là nơi có tỷ lệ đầu tư lớn nhất do hai thành phố này có những lợi thế nhất định. Những lợi thế về địa lý: theo truyền thống văn hoá của dân tộc thì đây là hai thành phố có địa linh nhân kiệt nên đất lành chim đậu. Điều này không chỉ giúp cho hai thành phố thu hút được nguồn vốn đầu tư lớn mà còn thu hút được lượng du khách tham quan đông đảo và giúp cho các nhà đầu tư có thể tìm hiểu được môi trường kinh doanh một cách dễ dàng hơn; Về giao thông có nhiều thuận lợi do có hai cảng hàng không lớn, đồng thời các tuyến đường bộ và đường sông cũng có nhiều thuận lợi cho đi chuyên và vận tải tới hai thành phố này; Về dân cư: do hai thành phố lớn của Việt Nam là những trung tâm kinh tế - văn hoá lớn của cả nước nên dân cư có cơ hội tiếp xúc với những thông tin về văn hoá, khoa học kỹ thuật nhanh chóng hơn những khu vực dân cư khác, có sự hiểu biết nhiều hơn và sự tiếp cận cũng như cập nhật thông tin nhanh chóng hơn. Ngoài ra, những cơ quan, tổ chức quan trọng của Nhà nước được tập trung tại đây nên việc thực hiện những thủ tục hành chính, hay những chính sách cho tác nghiệp cũng nhanh chóng và thuận lợi hơn cho các đối tác.

Những điểm thuận lợi này lại chình là những khó khăn, thách thức cho các tỉnh có khoảng cách xa với các thành phố lớn. Do vậy, các tỉnh và các khu công nghiệp, khu trung tâm kinh tế mới sẽ được hưởng các chế độ ưu đãi hơn trong đầu tư. Tuy nhiên, để có thể thu hút được sự quan tâm và đầu tư lớn hơn, các khu vực này cần được sự hỗ trợ nhiều hơn nữa từ phía nhà nước. Đồng thời, cần có những chính sách cụ thể hơn để tạo nên một môi trường kinh doanh hấp dẫn nhằm thu hút đầu tư.

2. Những khó khăn

Mặc dù thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội là những nơi thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài mạnh nhất do môi trường đầu tư tương đối khá hấp dẫn. Tuy nhiên, vẫn còn những tồn tại trong việc thu hút đầu tư nguồn vốn FDI.

Các thủ tục liên quan đến đầu tư trực tiếp nước ngoài được hướng dẫn thực hiện bằng các văn bản quy định, nhưng có những văn bản ra đời sau không phải là những điều phát triển từ những văn bản cũ mang tính chất hướng dẫn thực thi, mà đôi khi nó phủ nhận và bỏ qua cả những cái có trước. Đó là những biện pháp mang tính hành chính mà nhiều khi không được sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, ngành có liên quan. Do vậy, chưa xây dựng được một kế hoạch tổng thể nhưng phải chi tiết giúp cho các nhà đầu tư thuận lợi hơn trong việc thực hiện dự án đầu tư.

Những khó khăn liên quan đến đất đai chủ yếu là do giá đất tại hai thành phố này cao hơn giá đất tại các địa phương khác nên cũng là một yếu tố hạn chế sự lựa chọn địa điểm đầu tư. Các vấn đề liên quan đến quy hoạch đất đai và đô thị. Nếu các dự án không đáp ứng được

yêu cầu về quy hoạch theo Luật đầu tư quy định sẽ không được cấp phép.

Ngoài ra, vấn đề làm cho hai thành phố này giảm bớt lượng đầu tư trực tiếp chính là cơ sở hạ tầng chưa hoàn toàn hiện đại hoá. Hệ thống thông tin kinh tế - xã hội, các cơ sở dữ liệu phục vụ cho hợp tác đều còn nhiều non yếu. Nhiều khi các nhà đầu tư còn tư phải tìm cách có được những thông tin cho việc đầu tư trong khi những thông tin đó có thể công khai đại chúng.

3. Những giải pháp chủ yếu hạn chế khó khăn giúp TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội tăng số lượng và chất lượng vốn đầu tư FDI

- Công việc trước mắt, cần rà soát lại các dự án đã đăng ký và yêu cầu các chủ đầu tư nghiêm chỉnh chấp hành thời gian thực hiện dự án như đã cam kết. Nếu không thực hiện được điều đó thì có các chế tài cụ thể để xử lý đối với những chủ dự án này vì bất kỳ lý do nào. Đồng thời, các cơ quan có thẩm quyền cần cải cách các thủ tục hành chính; Có sự phối hợp chặt chẽ của các bộ, ngành để có những văn bản mang tính pháp lý thật sự đồng bộ và nhất quán với nhau.

- Ngoài những biện pháp mang tính hành chính, hai thành phố này cần có những chính sách hỗ trợ giúp các nhà đầu tư thuận lợi hơn trong việc thực hiện dự án như: cần có kế hoạch tổng thể trong quy hoạch, cơ sở hạ tầng, xây dựng và phát triển đô thị. Những kế hoạch này cần chi tiết về thời gian, địa điểm, thời hạn hoàn thành... để những nhà đầu tư có những thông tin cụ thể trong lựa chọn phương án đầu tư. Xây dựng hệ thống thông tin kinh tế - xã hội thuận lợi cho thu hút đầu tư và thực hiện đầu tư. Tuy nhiên, những dự án nào không đáp ứng được yêu cầu của quy hoạch thì dứt khoát không cấp phép. Điều độ để cho các nhà đầu tư thấy rằng pháp luật cần được tôn trọng và nghiêm túc thực hiện.

- Cần xây dựng một hệ thống tài chính, tiền tệ theo xu hướng phát triển của thế giới. Điều này giúp cho Việt Nam hoà nhập với thị trường khu vực và thế giới, làm cho lưu thông, thanh toán tiền tệ được giải quyết nhanh chóng giúp cho việc hoàn thiện dự án thuận lợi hơn.

- Cần sắp xếp danh mục đầu tư theo thứ tự ưu tiên, từ thứ tự ưu tiên của các mục tiêu độ có những chính sách, biện pháp hỗ trợ cụ thể giúp cho mục tiêu của thành phố có thể hoàn thành được đúng tiến độ cũng như kế hoạch đặt ra. Điều đó góp phần thúc đẩy việc thực hiện mục tiêu chiến lược phát triển của cả nước.

Tài liệu tham khảo:

1. General Statistics Office 2005, *Foreign Direct Investment Projects Licensed From 1998-2004*, Hanoi, 12 January 2006, .
2. General Statistics Office 2006, *Vietnam Statistical Yearbook 2006*, Statistics Publishing House, Hanoi.
4. PGS. TS. Bùi Tất Thắng, *WTO thường thức*, Nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2006.
6. Ministry of Planning and Investment 2006, *Foreign Direct Investment Database From 1998-2005*, Hanoi, .